

Số: 20230817 /CBTT/RIC

Hạ Long, ngày 17 tháng 08 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần quốc tế Hoàng Gia thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2023 với Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần quốc tế Hoàng Gia

- Mã chứng khoán: RIC
- Địa chỉ: Đường Hạ Long, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại: 02033 848777 Fax: 02033 846728
- Email: Wbsite: <http://royalhalonghotel.com/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2023 đã soát xét
 - ☒ BCTC riêng (CTNY không có công ty con là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - ☐ BCTC hợp nhất (CTNY có công ty con);
 - ☐ BCTC tổng hợp (CTNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
 - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022)

☐ Có

☐ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022)

☐ Có

☐ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ

báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có

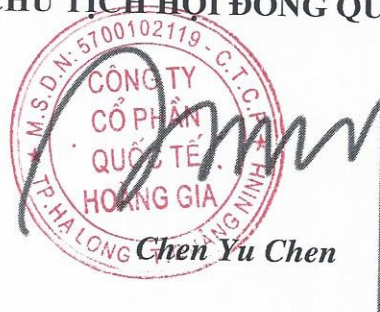
☒ Có

☐ Không

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Tài liệu đính kèm:

- BCTC
- Văn bản giải trình


Chen Yu Chen

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM
CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	2
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam (Mẫu số B 01a - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam (Mẫu số B 02a - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam (Mẫu số B 03a - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam (Mẫu số B 09a - DN)	9

1001
CH
CÔNG
WC
T/

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký
Doanh nghiệp**

Số 5700102119 đề ngày 11 tháng 5 năm 2018

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp. Thay đổi gần nhất (lần thứ 12) của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được cấp ngày 11 tháng 5 năm 2023.

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Đầu tư**

Số 544.2194.665 đề ngày 17 tháng 7 năm 2018

Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp. Thay đổi gần nhất (lần thứ 14) của Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư được cấp ngày 22 tháng 6 năm 2023.

Hội đồng Quản trị

Bà Chen Yu Chen	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Ông Lin Yi Huang	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Ông Lin Yi Huang	Thành viên
Ông Đậu Quốc Dũng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Bà Nguyễn Tiểu Mai	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Bà Nguyễn Khoa Hoàng Oanh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Bà Nguyễn Mai Phương	Thành viên
Bà Trần Gia Ngọc Phương	Thành viên

Ủy ban kiểm toán

Ông Đậu Quốc Dũng	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Bà Nguyễn Khoa Hoàng Oanh	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Bà Trần Gia Ngọc Phương	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thắng Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Hồng Liễu	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2023)
Bà Mai Thị Dung	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2023)
Bà Cao Thị Huyền	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2023)

**Người đại diện
theo pháp luật**

Bà Chen Yu Chen	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Ông Lin Yi Huang	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023)

Trụ sở chính

Đường Hạ Long, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này, Người đại diện theo pháp luật phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

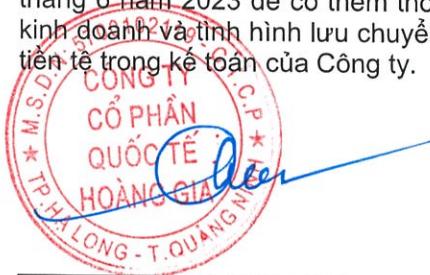
Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam. Người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc của Công ty để phê duyệt và ký báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 theo Giấy ủy quyền số 12052023/UQ.2023 ký ngày 12 tháng 5 năm 2023.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đính kèm từ trang 5 đến trang 39. Báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này kết hợp với báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng Đô la Mỹ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 để có thêm thông tin về tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty được trình bày theo đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty.



Nguyễn Thắng Hiền
Phó Tổng giám đốc
Chữ ký được ủy quyền

Quảng Ninh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 17 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (“Công ty”) được lập ngày 30 tháng 6 năm 2023, và được Phó Tổng Giám đốc của Công ty (theo sự ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật của Công ty) phê chuẩn ngày 17 tháng 8 năm 2023. Báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này bao gồm: bảng cân đối kế toán giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 39.

Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Người đại diện theo pháp luật xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này dựa trên kết quả soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam.

Chính sách kế toán

Không phủ nhận kết luận nêu trên, chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam mô tả cơ sở của việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam. Báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này được lập nhằm giúp Công ty đáp ứng các yêu cầu của Thông tư 200/2014/TT-BTC. Vì thế, báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra kết luận ngoại trừ, Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh 2 trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển sang Đồng Việt Nam về khoản lỗ thuần 35.373.132.376 Đồng Việt Nam của Công ty phát sinh trong kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, và cũng tại ngày này, số lỗ sau thuế lũy kế của Công ty là 510.530.102.751 Đồng Việt Nam và nợ ngắn hạn của Công ty cũng vượt quá tài sản ngắn hạn là 172.329.774.535 Đồng Việt Nam. Những vấn đề này cho thấy cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội



Trần Khắc Thẻ
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2043-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo soát xét: HAN 3510
Hà Nội, Ngày 17 tháng 8 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2023 VND	31.12.2022 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		58.573.025.330	44.628.564.560
110	Tiền và các khoản tương đương tiền		36.882.699.035	13.465.037.680
111	Tiền	3	36.882.699.035	13.465.037.680
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		14.139.849.890	17.697.176.560
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	11.676.309.805	13.966.208.320
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	2.845.743.735	4.220.067.280
136	Phải thu ngắn hạn khác	8	5.579.096.660	5.477.342.000
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(5.961.300.310)	(5.966.441.040)
140	Hàng tồn kho		6.777.666.710	8.159.299.920
141	Hàng tồn kho	9	6.777.666.710	8.159.299.920
150	Tài sản ngắn hạn khác		772.809.695	5.307.050.400
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		772.809.695	975.596.240
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	15(a)	-	4.331.454.160
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		862.449.113.030	884.490.749.680
220	Tài sản cố định		795.352.993.115	819.005.835.680
221	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	795.204.324.555	818.820.425.280
222	Nguyên giá		1.383.781.234.385	1.384.862.765.440
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(588.576.909.830)	(566.042.340.160)
227	Tài sản cố định vô hình	11(b)	148.668.560	185.410.400
228	Nguyên giá		105.239.669.705	105.397.045.840
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(105.091.001.145)	(105.211.635.440)
240	Tài sản dở dang dài hạn		46.129.382.600	45.886.659.680
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	46.129.382.600	45.886.659.680
250	Đầu tư tài chính dài hạn		9.816.314.455	9.830.993.840
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	9.816.314.455	9.830.993.840
260	Tài sản dài hạn khác		11.150.422.860	9.767.260.480
261	Chi phí trả trước dài hạn	10	4.906.577.390	4.769.032.080
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	13	6.243.845.470	4.998.228.400
270	TỔNG TÀI SẢN		921.022.138.360	929.119.314.240

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 39 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM (TIẾP THEO)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2023 VND	31.12.2022 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		313.752.801.875	285.865.028.080
310	Nợ ngắn hạn		230.902.799.865	202.815.021.920
311	Phải trả người bán ngắn hạn	14	2.987.226.960	13.496.283.200
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.249.454.550	735.640.960
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15(b)	2.928.620.840	2.268.616.960
314	Phải trả người lao động		4.797.510.090	5.113.576.640
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	16	21.707.926.855	13.030.811.680
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		464.893.515	988.066.320
319	Phải trả ngắn hạn khác	17	88.048.744.015	92.765.347.040
320	Vay ngắn hạn	18(a)	107.718.423.040	74.416.679.120
330	Nợ dài hạn		82.850.002.010	83.050.006.160
338	Vay dài hạn	18(b)	82.850.002.010	83.050.006.160
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		607.269.336.485	643.254.286.160
410	Vốn chủ sở hữu		607.269.336.485	643.254.286.160
411	Vốn góp của chủ sở hữu	19,20	703.687.540.000	703.687.540.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		703.687.540.000	703.687.540.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	20	81.363.105.200	81.363.105.200
417	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	20	321.542.600.627	322.154.417.926
418	Quỹ đầu tư phát triển	20	11.206.193.409	11.206.193.409
421	Lỗi sau thuế lũy kế	20	(510.530.102.751)	(475.156.970.375)
421a	- Lỗi sau thuế lũy kế của các năm trước		(475.156.970.375)	(414.688.818.779)
421b	- Lỗi sau thuế của kỳ này/năm nay		(35.373.132.376)	(60.468.151.596)
440	TỔNG NGUỒN VỐN		921.022.138.360	929.119.314.240

Nguyễn Thị Huệ
Người lập

Mai Thị Dung
Kế toán trưởng


Nguyễn Thắng Hiền
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 17 tháng 8 năm 2023





Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 39 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2023 VND	2022 VND
01 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		55.055.454.904	50.408.684.761
02 Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	55.055.454.904	50.408.684.761
11 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(57.561.201.094)	(56.629.036.807)
20 Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(2.505.746.190)	(6.220.352.046)
21 Doanh thu hoạt động tài chính	24	1.576.985.532	2.681.256.638
22 Chi phí tài chính	25	(12.881.859.032)	(4.942.908.749)
23 - Trong đó: Chi phí lãi vay	25	(10.865.135.786)	(4.853.018.075)
25 Chi phí bán hàng	26	(6.620.412.850)	(5.616.033.426)
26 Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(14.593.533.888)	(17.850.663.492)
30 Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(35.024.566.428)	(31.948.701.075)
31 Thu nhập khác		43.352.092	100.650.941
32 Chi phí khác		(391.918.040)	(651.994.174)
40 Lỗ khác		(348.565.948)	(551.343.233)
50 Tổng lỗ kế toán trước thuế		(35.373.132.376)	(32.500.044.308)
51 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	-	-
52 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	29	-	-
60 Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(35.373.132.376)	(32.500.044.308)
70 Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	30(a)	(503)	(462)
71 Lỗ suy giảm trên cổ phiếu	30(b)	(503)	(462)


Nguyễn Thị Huệ
Người lập


Mai Thị Dung
Kế toán trưởng


Nguyễn Thắng Hiền
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 17 tháng 8 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 39 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lỗi kế toán trước thuế	(35.373.132.376)	(32.500.044.308)
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	23.649.346.240	20.697.591.533
03	Các khoản dự phòng	3.805.718	(98.264.869)
04	Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.568.452.214	(864.652.841)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(5.862.224)	(2.271.357)
06	Chi phí lãi vay	10.865.135.786	4.853.018.075
08	Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	707.745.358	(7.914.623.767)
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	7.929.650.756	(15.665.228.027)
10	Giảm hàng tồn kho	117.528.136	806.400.564
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(1.933.848.418)	31.263.829.582
12	Giảm chi phí trả trước	57.227.598	23.562.461
14	Tiền lãi vay đã trả	(3.608.553.442)	(2.957.031.498)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	3.269.749.988	5.556.909.315
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	(11.829.046.150)	(22.549.458.721)
27	Tiền thu từ cổ tức và lãi	5.862.224	2.271.357
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(11.823.183.926)	(22.547.187.364)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	104.338.462.932	84.772.778.990
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(71.655.665.888)	(58.049.185.564)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	32.682.797.044	26.723.593.426
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	24.129.363.106	9.733.315.377
60	Tiền đầu kỳ	-	-
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	3 13.465.037.680 (711.701.751)	9.361.730.549 (48.764.051)
70	Tiền cuối kỳ	3 36.882.699.035	19.046.281.875

Nguyễn Thị Huệ
Người lập

Mai Thị Dung
Kế toán trưởng

Nguyễn Thắng Hiền
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 17 tháng 8 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 39 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 221.032.000.118 đề ngày 1 tháng 7 năm 2008 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp có thời hạn hoạt động là 49 năm kể từ ngày 13 tháng 8 năm 1994. Sau đó, Giấy Chứng nhận Đầu tư được thay thế bởi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5700102119 đề ngày 11 tháng 5 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp và Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 544.2194.665 đề ngày 17 tháng 7 năm 2018 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp. Thay đổi gần nhất của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (lần thứ 12) được cấp ngày 11 tháng 5 năm 2023. Thay đổi gần nhất của Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư (lần thứ 14) được cấp ngày 22 tháng 6 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch tại thị trường của những công ty đại chúng chưa niêm yết (“Upcom”). Mã giao dịch cổ phiếu của Công ty là ‘RIC’.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ kinh doanh trò chơi có thưởng cho người nước ngoài, xây dựng và kinh doanh một khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao và cung cấp dịch vụ vui chơi giải trí khác. Ngoài ra, Công ty được phép làm Đại lý đối ngoại tệ theo Giấy chứng nhận số 1060/NHNN-QUN1 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 475 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 535 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam. Báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam đính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam (tiếp theo)

Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), báo cáo tài chính giữa niên độ lập bằng Đô la Mỹ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được quy đổi sang Đồng Việt Nam cho mục đích công bố ra công chúng và nộp cho các cơ quan quản lý Nhà nước theo nguyên tắc như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, là tỷ giá chuyển khoản của một ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo.
- Vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu) được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá;
- LNST/lỗ, các quỹ trích từ LNST chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư (bao gồm quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu) được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Cổ tức đã trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân do tỷ giá bình quân kỳ kế toán xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không vượt quá 3%); và
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng Đô la Mỹ ra Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” – Mã số 417 thuộc phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này kết hợp với báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng Đô la Mỹ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 để có thêm thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty được trình bày theo đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam (tiếp theo)

Trong kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty phát sinh khoản lỗ sau thuế là 35.373.132.376 Đồng Việt Nam (trong kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: 32.500.044.308 Đồng Việt Nam), và cũng tại ngày này, số lỗ lũy kế của Công ty là 510.530.102.751 Đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 475.156.970.375 Đồng Việt Nam) và nợ ngắn hạn của Công ty cũng vượt quá tài sản ngắn hạn là 172.329.774.535 Đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 158.186.457.360 Đồng Việt Nam).

Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty thì Công ty vẫn có khả năng tiếp tục hoạt động liên tục trên cơ sở dòng tiền tạo ra từ hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, Công ty còn nhận được sự hỗ trợ tài chính của một bên cho vay bằng cam kết sẽ cho phép Công ty gia hạn các khoản vay đến hạn trị giá 49.900.021.720 Đồng Việt Nam khi mà Công ty chưa thu xếp được việc thanh toán. Công ty cũng đang trong quá trình làm việc với ngân hàng để xin cấp thêm hạn mức tín dụng nhằm bổ sung nguồn vốn lưu động cho Công ty. Do đó, Công ty hoàn toàn có thể tiếp tục kinh doanh và hoạt động liên tục trong 12 tháng tới. Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam được lập cho kỳ 6 tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đô La Mỹ ("USD"). Công ty xác định đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán.

Đơn vị tiền tệ được trình bày trên báo cáo tài chính chuyển đổi là Đồng Việt Nam. Nguyên tắc chuyển đổi báo cáo tài chính từ Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam được trình bày tại Thuyết minh 2.1.

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (tiếp theo)**

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản và nợ phải trả tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi giữa niên độ chuyển đổi.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tồn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán chuyển đổi sang Đồng Việt Nam căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán chuyển đổi sang Đồng Việt Nam tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho bao gồm nguyên liệu, vật liệu phục vụ cho nhà hàng, khách sạn; công cụ, dụng cụ, vật tư thay thế sửa chữa; và các tác phẩm nghệ thuật (tranh, ảnh) mà Công ty mua để phục vụ cho mục đích thương mại.

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở thực tế đích danh, hay bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước tùy thuộc vào từng loại hàng tồn kho. Giá gốc bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kế toán kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong kỳ kế toán.

2.8 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Người đại diện theo pháp luật thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”)***TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính hoặc theo thời gian của Giấy phép đầu tư. Giá trị khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	35 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm
Phương tiện vận tải	8 năm
Quyền sử dụng đất	27 năm
Phần mềm	5 - 10 năm
TSCĐ khác	5 năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chuyển đổi.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án và chi phí tư vấn đầu tư xây dựng đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM
CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.10 Thuê tài sản**

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ tới ngày đến hạn thanh toán.

2.13 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và các đối tượng khác.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.14 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ kế toán.

2.16 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng, dự phòng trợ cấp thôi việc được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

Công ty không ghi nhận dự phòng trợ cấp thôi việc nêu trên do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 180"). Theo Thông tư 180, Công ty không trích trước dự phòng trợ cấp thôi việc, do đó trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí khi thực chi trả. Việc áp dụng Thông tư 180 dẫn đến sự khác biệt với *Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng*. Nếu Công ty áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, khoản dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 cần phải lập là 6.159.002.345 Đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 6.270.856.320 Đồng Việt Nam).

2.17 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước cho một hay nhiều kỳ kế toán chủ yếu bao gồm tiền thuê phòng khách sạn trả trước. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM
CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối/(Lỗ sau thuế lũy kế) phản ánh kết quả kinh doanh lãi/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.19 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty.

2.20 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM
CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.23 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ của Công ty.

2.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.25 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của kỳ hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ kế toán phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ kế toán hay một kỳ kế toán khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.26 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.27 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan. Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

2.28 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam yêu cầu Người đại diện theo pháp luật phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về nợ phải trả, tài sản và việc trình bày các khoản nợ phải trả và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm:

- Giả định hoạt động liên tục (Thuyết minh 2.1);
- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.9);
- Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 2.6);
- Các khoản dự phòng (Thuyết minh 2.15); và
- Thuế TNDN (Thuyết minh 2.25).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam của Công ty và được Người đại diện theo pháp luật đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN

	30.6.2023 VND	31.12.2022 VND
Tiền mặt	32.193.273.235	10.539.491.280
Tiền gửi ngân hàng	4.689.425.800	2.925.546.400
	<u>36.882.699.035</u>	<u>13.465.037.680</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM
CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

4 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Tại ngày 30.6.2023		Tại ngày 31.12.2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia	9.816.314.455	-	9.830.993.840	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30.6.2023 VND	31.12.2022 VND
Bên thứ ba	11.676.309.805	9.895.617.920
Trong đó:		
- Khách đoàn Long Bay (Thuyết minh 6)	5.961.300.310	5.966.441.040
- Công ty TNHH Du lịch Trung tâm Việt	-	1.439.872.320
- Khác	5.715.009.495	2.489.304.560
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	-	4.070.590.400
	11.676.309.805	13.966.208.320

6 NỢ KHÓ ĐÒI

	30.6.2023		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)	5.961.300.310	-	5.961.300.310
	31.12.2022		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)	5.966.441.040	-	5.966.441.040

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Mẫu số B 09a – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM
CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.6.2023 VND	31.12.2022 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển NME	963.185.965	964.626.320
Khác	1.882.557.770	3.255.440.960
	<u>2.845.743.735</u>	<u>4.220.067.280</u>

8 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30.6.2023 VND	31.12.2022 VND
Phải thu thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt tương ứng với số chip khách cầm cuối kỳ/năm (*)	5.311.975.395	5.426.617.840
Khác	267.121.265	50.724.160
	<u>5.579.096.660</u>	<u>5.477.342.000</u>

(*) Số dư bao gồm khoản thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt mà Công ty đã nộp trước cho cơ quan thuế liên quan tới số chip mà khách hàng chưa sử dụng cuối kỳ/năm (do khác biệt thời điểm tính/nộp thuế và thời điểm hạch toán doanh thu kế toán theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam). Khoản phải thu thuế này sẽ được cân trừ với số thuế phải nộp trong tương lai.

9 HÀNG TÒN KHO

	30.06.2023		31.12.2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	39.437.425	-	29.229.680	-
Công cụ, dụng cụ	3.863.627.185	-	5.202.062.640	-
Hàng hóa	2.874.602.100	-	2.928.007.600	-
	<u>6.777.666.710</u>	<u>-</u>	<u>8.159.299.920</u>	<u>-</u>

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30.6.2023 VND	31.12.2022 VND
Công cụ, dụng cụ	4.906.577.390	4.769.032.080

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM
CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (“TSCĐ”)

a) TSCĐ Hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	1.024.909.124.480	290.918.551.440	14.328.028.160	18.363.130.400	36.343.930.960	1.384.862.765.440
Mua trong kỳ	-	996.128.958	-	-	-	996.128.958
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi sang VND	(1.530.367.720)	(444.210.888)	(21.394.240)	(27.419.350)	(54.267.815)	(2.077.660.013)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	1.023.378.756.760	291.470.469.510	14.306.633.920	18.335.711.050	36.289.663.145	1.383.781.234.385
Giá trị khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	(250.844.730.480)	(248.864.800.560)	(12.861.785.840)	(18.325.532.640)	(35.145.490.640)	(566.042.340.160)
Khấu hao trong kỳ	(12.441.695.834)	(10.417.266.600)	(568.470.262)	(7.327.780)	(177.757.760)	(23.612.518.236)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi sang VND	497.192.764	474.281.565	24.808.302	27.435.440	54.230.495	1.077.948.566
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	(262.789.233.550)	(258.807.785.595)	(13.405.447.800)	(18.305.424.980)	(35.269.017.905)	(588.576.909.830)
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	774.064.394.000	42.053.750.880	1.466.242.320	37.597.760	1.198.440.320	818.820.425.280
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	760.589.523.210	32.662.683.915	901.186.120	30.286.070	1.020.645.240	795.204.324.555

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**11 TSCĐ (TIẾP THEO)****a) TSCĐ Hữu hình (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty đã thế chấp TSCĐ với giá trị còn lại là 717.728.929.720 Đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 729.657.056.160 Đồng Việt Nam) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 18).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, TSCĐ hữu hình bao gồm một số tài sản tạm thời dừng hoạt động để sửa chữa với giá trị còn lại là 2.697.075.175 Đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2.788.703.680 Đồng Việt Nam).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 154.769.494.540 Đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 150.768.283.360 Đồng Việt Nam).

b) TSCĐ vô hình

	Phần mềm kế toán VND	Quyền sử dụng đất (*) VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	2.395.403.920	103.001.641.920	105.397.045.840
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi sang VND	(3.576.755)	(153.799.380)	(157.376.135)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	2.391.827.165	102.847.842.540	105.239.669.705
Giá trị khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	(2.209.993.520)	(103.001.641.920)	(105.211.635.440)
Khấu hao trong kỳ	(36.828.004)	-	(36.828.004)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi sang VND	3.662.919	153.799.380	157.462.299
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	(2.243.158.605)	(102.847.842.540)	(105.091.001.145)
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	185.410.400	-	185.410.400
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	148.668.560	-	148.668.560

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 2.027.224.075 Đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2.030.255.600 Đồng Việt Nam).

(*) Bao gồm giá trị Quyền sử dụng đất góp vốn ban đầu có thời hạn đến ngày 13 tháng 4 năm 2021. Sau thời hạn này, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất hàng năm cho UBND tỉnh Quảng Ninh (thuyết minh 16).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang cuối kỳ/năm như sau:

	30.06.2023 VND	31.12.2022 VND
Dự án cải tạo và xây mới khách sạn và biệt thự Hoàng Gia (*)	45.818.142.910	45.886.659.680
Khác	311.239.690	-
	<u>46.129.382.600</u>	<u>45.886.659.680</u>

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, dự án cải tạo và xây mới khách sạn và biệt thự Hoàng Gia đang tạm dừng do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Ban Giám đốc của Công ty đang trong quá trình đánh giá lại và xem xét việc tiếp tục thực hiện dự án này trong tương lai. Việc xử lý số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang liên quan tới dự án này sẽ được thực hiện khi có quyết định chính thức từ Hội đồng Quản trị của Công ty.

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30.6.2023 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2022 VND
Số dư đầu kỳ/năm	45.886.659.680	106.735.759.280
Tăng trong kỳ/năm	314.338.124	70.487.833.867
Vốn hóa chi phí lãi vay	-	3.607.479.547
Chuyển sang TSCĐ hữu hình	-	(140.641.273.272)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi sang VND	(71.615.204)	5.696.860.258
Số dư cuối kỳ/năm	<u>46.129.382.600</u>	<u>45.886.659.680</u>

13 THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

	30.06.2023 VND	31.12.2022 VND
Vật tư thay thế, sửa chữa	<u>6.243.845.470</u>	<u>4.998.228.400</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Mẫu số B 09a – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM
CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.06.2023		31.12.2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Điện lực Quảng Ninh	377.031.145	377.031.145	196.450.640	196.450.640
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đỉnh Nga	308.150.230	308.150.230	250.925.200	250.925.200
Doanh nghiệp Tư nhân Khá Thuý	403.666.035	403.666.035	348.130.880	348.130.880
Khác	1.898.379.550	1.898.379.550	12.700.776.480	12.700.776.480
	<u>2.987.226.960</u>	<u>2.987.226.960</u>	<u>13.496.283.200</u>	<u>13.496.283.200</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong kỳ như sau:

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số cần trừ trong kỳ VND	Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi sang VND VND	Tại ngày 30.06.2023 VND
a) Phải thu						
Thuế GTGT được khấu trừ	4.331.454.160	1.270.211.568	-	(5.638.253.950)	36.588.222	-
b) Phải trả						
Thuế GTGT đầu ra	480.332.480	6.797.839.678	(423.782.064)	(5.638.253.950)	(7.970.044)	1.208.166.100
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.539.093.840	13.292.167.436	(13.127.245.110)	-	(3.923.776)	1.700.092.390
Thuế TNCN	249.190.640	699.306.592	(930.037.110)	-	1.902.228	20.362.350
Thuế khác	-	311.217.908	(311.217.908)	-	-	-
	2.268.616.960	21.100.531.614	(14.792.282.192)	(5.638.253.950)	(9.991.592)	2.928.620.840

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30.06.2023 VND	31.12.2022 VND
Tiền thuê đất trích trước (*)	7.209.114.480	5.600.800.480
Lãi vay	13.366.057.185	6.190.246.160
Khác	1.132.755.190	1.239.765.040
	<u>21.707.926.855</u>	<u>13.030.811.680</u>

(*) Theo hợp đồng thuê đất số 341/HĐ-TĐ đề ngày 7 tháng 12 năm 2018 ký giữa Công ty và Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cho lô đất thuê với diện tích là 62.377,6 m², Công ty có nghĩa vụ đóng tiền thuê đất từ ngày 13 tháng 4 năm 2021. Tuy nhiên, cho đến ngày của báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty chưa nhận được thông báo đóng tiền thuê đất từ Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Do đó, Công ty tạm trích trước chi phí tiền thuê đất cho giai đoạn từ ngày 13 tháng 4 năm 2021 tới ngày 30 tháng 6 năm 2023 dựa trên đơn giá thuê đất của khu vực mà Công ty đang hoạt động do UBND tỉnh Quảng Ninh quy định cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 1 tháng 1 năm 2020.

17 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30.06.2023 VND	31.12.2022 VND
Phải trả cho Đại lý Long Bay (*)	50.792.477.775	51.511.181.440
Nhận ký quỹ, ký cược	15.524.466.285	15.644.465.440
Khách ký gửi chip chưa dùng	15.625.224.810	15.648.590.880
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	907.201.205	2.185.123.680
Khác	5.199.373.940	7.775.985.600
	<u>88.048.744.015</u>	<u>92.765.347.040</u>

(*) Khoản phải trả cho Đại lý Long Bay là khoản tiền mà Đại lý Long Bay ký gửi tại Công ty nhằm đảm bảo cho khách hàng của Đại lý Long Bay tham gia chơi trò chơi có thưởng tại Câu lạc bộ của Công ty. Khoản tiền ký gửi này không được tính lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM
CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

18 VAY

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Giải ngân VND	Hoàn trả VND	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Phân loại lại VND	Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi sang VND VND	Tại ngày 30.06.2023 VND
a) Ngắn hạn							
Ngân hàng TMCP Đại Chung Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (i)	71.216.673.760	47.762.588.230	(71.572.601.956)	-	286.421.646	125.533.390	47.818.615.070
Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Quảng Ninh	-	10.027.263.238	(83.063.932)	-	155.136.194	(99.549.250)	9.999.786.250
Công ty TNHH Bất động sản Lam Xuân (ii)	3.200.005.360	32.526.077.104	-	14.341.363.704	302.306.382	(469.730.830)	49.900.021.720
	<u>74.416.679.120</u>	<u>90.315.928.572</u>	<u>(71.655.665.888)</u>	<u>14.341.363.704</u>	<u>743.864.222</u>	<u>(443.746.690)</u>	<u>107.718.423.040</u>
b) Dài hạn							
Công ty TNHH Bất động sản Lam Xuân (ii)	<u>83.050.006.160</u>	<u>14.022.534.360</u>	<u>-</u>	<u>(14.341.363.704)</u>	<u>242.076.758</u>	<u>(123.251.564)</u>	<u>82.850.002.010</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Mẫu số B 09a – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM
CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**

18 VAY (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, số dư các khoản vay của Công ty bao gồm:

Bên cho vay	Số dư tại 30.6.2023 VND	Thời hạn hoàn trả gốc	Lãi suất một năm	Mục đích khoản vay	Hình thức bảo đảm
(i) Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh					
• Hợp đồng hạn mức tín dụng đề ngày 21 tháng 8 năm 2022 với hạn mức là 75.500.000.000 VND	47.818.615.070	6 tháng kể từ ngày giải ngân	5,8%-14,8%	Bổ sung vốn lưu động	TSCĐ (Thuyết minh 11)
(ii) Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Quảng Ninh					
• Hợp đồng hạn mức tín dụng đề ngày 26 tháng 12 năm 2022 với hạn mức là 10.000.000.000 VND	9.999.786.250	12 tháng kể từ ngày giải ngân	11%	Bổ sung vốn lưu động	TSCĐ (Thuyết minh 11)
(iii) Công ty TNHH Bất động sản Lam Xuân					
• Ngắn hạn	49.900.021.720	12 tháng kể từ ngày giải ngân	12,10% - 13,8%	Bổ sung vốn lưu động	Không
• Dài hạn	82.850.002.010	3 năm kể từ ngày giải ngân	12,10% - 13,0%	Bổ sung vốn lưu động và xây dựng TSCĐ	Không
	<u>190.568.425.050</u>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

19 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Số lượng cổ phiếu

	30.06.2023	31.12.2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký	70.368.754	70.368.754
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	70.368.754	70.368.754
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.368.754	70.368.754

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30.06.2023		31.12.2022	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty TNHH Đầu tư Khải Việt	36.938.632	52,49%	36.938.632	52,49%
Bà Nguyễn Tiểu Mai	3.587.051	5,10%	1.770.955	2,52%
Các cổ đông khác	29.843.071	42,41%	31.659.167	44,99%
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	70.368.754	100,0%	70.368.754	100,0%

c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số lượng cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông '000 VND
Tại ngày 1.1.2022	70.368.754	703.687.540
Tại ngày 31.12.2022	70.368.754	703.687.540
Tại ngày 30.6.2023	70.368.754	703.687.540

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM
CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

20 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lỗ sau thuế lũy kế VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	703.687.540.000	81.363.105.200	11.206.193.409	(414.688.818.779)	298.322.047.370	679.890.067.200
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(60.468.151.596)	-	(60.468.151.596)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi sang VND	-	-	-	-	23.832.370.556	23.832.370.556
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	703.687.540.000	81.363.105.200	11.206.193.409	(475.156.970.375)	322.154.417.926	643.254.286.160
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(35.373.132.376)	-	(35.373.132.376)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi sang VND	-	-	-	-	(611.817.299)	(611.817.299)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	703.687.540.000	81.363.105.200	11.206.193.409	(510.530.102.751)	321.542.600.627	607.269.336.485

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

21 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản mục tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm số tiền ngoại tệ như sau:

	30.6.2023	31.12.2022
VND	9.609.348.667	5.640.615.325
KRW	50.640.000	9.290.000
JPY	6.180.000	1.270.000
HKD	145.300	6.400
THB	166.900	136.600
NTD	-	88.300
EURO	10.560	480
AUD	1.025	4.050
SGD	25.601	11.031
CAD	29.350	2.570
JMP	-	135.804

22 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2023	2022
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ cho thuê phòng nghỉ và cho thuê mặt bằng	9.253.024.186	30.760.506.048
Doanh thu dịch vụ trò chơi có thưởng	37.870.203.420	15.379.817.107
Doanh thu dịch vụ ăn uống, giải khát	6.750.634.592	3.512.275.041
Doanh thu dịch vụ khác	1.181.592.706	756.086.565
	55.055.454.904	50.408.684.761

23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2023	2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	22.553.370.370	24.853.004.750
Chi phí khấu hao TSCĐ	22.632.675.860	19.714.093.952
Chi phí nguyên vật liệu	3.872.637.178	3.012.553.558
Khác	8.502.517.686	9.049.384.547
	57.561.201.094	56.629.036.807

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

24 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2023 VND	2022 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.862.224	2.271.357
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.457.329.976	1.380.549.139
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối kỳ kế toán	-	864.652.841
Khác	113.793.332	433.783.301
	<u>1.576.985.532</u>	<u>2.681.256.638</u>

25 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay	10.865.135.786	4.853.018.075
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	448.271.032	89.890.674
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối kỳ kế toán	1.568.452.214	-
	<u>12.881.859.032</u>	<u>4.942.908.749</u>

26 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	4.756.698.378	4.418.592.370
Chi phí khấu hao TSCĐ	552.443.698	531.933.455
Khác	1.311.270.774	665.507.601
	<u>6.620.412.850</u>	<u>5.616.033.426</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

27 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	10.258.702.896	13.314.281.760
Chi phí khấu hao TSCĐ	464.226.682	451.564.126
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.431.351.814	1.283.316.705
Khác	2.439.252.496	2.801.500.901
	<u>14.593.533.888</u>	<u>17.850.663.492</u>

28 CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong kỳ kế toán từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	37.568.771.644	42.585.878.880
Chi phí khấu hao TSCĐ	23.649.346.240	20.697.591.533
Chi phí nguyên vật liệu	3.872.637.178	3.012.553.558
Khác	13.684.392.770	13.799.709.754
	<u>78.775.147.832</u>	<u>80.095.733.725</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

29 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Số thuế TNDN trên lỗ kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2023 VND	2022 VND
Lỗ kế toán trước thuế	(35.373.132.376)	(32.500.044.308)
Thuế tính ở thuế suất 20%	(7.074.626.475)	(6.500.004.273)
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	57.842.186	158.903.218
Chênh lệch tạm thời mà không được ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	(61.907.922)	30.284.760
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại (*)	7.078.692.211	6.310.816.295
Chi phí thuế TNDN (**)	-	-
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	-	-
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
Chi phí thuế TNDN (**)	-	-

(*) Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm tài chính/kỳ kế toán phát sinh lỗ	Số lỗ phát sinh VND	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng VND	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
Năm 2019	71.642.840.700	-	71.642.840.700
Năm 2020	80.922.557.268	-	80.922.557.268
Năm 2021	98.571.838.295	-	98.571.838.295
Năm 2022	60.524.514.588	-	60.524.514.588
Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30.6.2023	35.393.413.780	-	35.393.413.780

(**) Chi phí thuế TNDN cho kỳ kế toán được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM
CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

30 LỖ TRÊN CỔ PHIẾU

a) Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

Lỗ cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng lỗ thuần chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Chi tiết như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2023	2022
Lỗ thuần	(35.373.132.376)	(32.500.044.308)
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	70.368.754	70.368.754
Lỗ cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	(503)	(462)

b) Lỗ suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lỗ trên cổ phiếu. Vì vậy, lỗ suy giảm trên cổ phiếu cũng bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

31 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty được tiến hành tại Việt Nam. Người đại diện theo pháp luật của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Doanh thu và chi phí theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023		
	Câu lạc bộ trò chơi có thưởng VND	Khách sạn và biệt thự Hoàng Gia VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần của bộ phận	37.870.203.420	17.185.251.484	55.055.454.904
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	(5.304.806.158)	(19.427.964.647)	(24.732.770.805)

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022		
	Câu lạc bộ trò chơi có thưởng VND	Khách sạn và biệt thự Hoàng Gia VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần của bộ phận	15.379.817.107	35.028.867.654	50.408.684.761
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	(5.755.549.809)	(15.354.969.838)	(21.110.519.647)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Câu lạc bộ trò chơi có thưởng VND	Khách sạn và biệt thự Hoàng Gia VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023			
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	-	1.310.467.082	1.310.467.082
Tài sản của bộ phận	163.297.761.630	719.261.184.855	882.558.946.485
Tài sản không phân bổ			38.463.191.875
Tổng tài sản			921.022.138.360
Nợ phải trả của bộ phận	87.140.583.205	80.442.189.230	167.582.772.435
Nợ phải trả không phân bổ			146.170.029.440
Tổng nợ phải trả			313.752.801.875

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022			
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	-	76.680.894.697	76.680.894.697
Tài sản của bộ phận	142.263.970.080	749.626.037.520	891.890.007.600
Tài sản không phân bổ			37.229.306.640
Tổng tài sản			929.119.314.240
Nợ phải trả của bộ phận	90.277.542.640	68.976.372.320	159.253.914.960
Nợ phải trả không phân bổ			126.611.113.120
Tổng nợ phải trả			285.865.028.080

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**
32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Công ty TNHH Đầu tư Khải Việt, một công ty thành lập tại Quần đảo British Virgin, do nắm giữ 52,49% vốn cổ phần của Công ty.

a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ bao gồm:

		Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2023 VND	2022 VND
(i)	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	Bên liên quan khác	97.672.216	-
(ii)	Thù lao của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
	Ông Lin Yi Huang	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (đến ngày 26 tháng 4 năm 2023)	380.986.590
		Thành viên Hội đồng Quản trị (từ ngày 26 tháng 4 năm 2023)	555.037.056
	Bà Chen Yu Chen	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (từ ngày 26 tháng 4 năm 2023)	-
	Bà Nguyễn Tiểu Mai	Thành viên Hội đồng Quản trị (đến ngày 26 tháng 4 năm 2023)	39.999.145
	Bà Nguyễn Khoa Hoàng Oanh	Thành viên Hội đồng Quản trị (đến ngày 26 tháng 4 năm 2023)	71.628.046
	Bà Nguyễn Mai Phương	Thành viên Hội đồng Quản trị	79.998.290
	Ông Đậu Quốc Dũng	Thành viên Hội đồng Quản trị (từ ngày 26 tháng 4 năm 2023)	131.325.732
	Bà Trần Gia Ngọc Phương	Thành viên Hội đồng Quản trị	60.010.420
	Ông Kuo Ta Wei	Tổng Giám đốc (đến ngày 9 tháng 9 năm 2022)	65.662.866
	Ông Công Nghĩa Nam	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 9 tháng 9 năm 2022)	39.999.145
	Ông Loh Siaw Kiang	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 25 tháng 2 năm 2022)	-
	Ông Phạm Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 30 tháng 6 năm 2022)	84.000.545
	Ông Nguyễn Thắng Hiền	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 3 năm 2022)	91.932.601
	Trần Thị Hồng Liễu	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 6 năm 2023)	342.561.933
	Bà Cao Thị Huyền	Kế toán trưởng (đến ngày 17 tháng 4 năm 2022)	-
	Bà Mai Thị Dung	Kế toán trưởng (từ ngày 17 tháng 4 năm 2023)	214.998.853
			280.271.688
			927.539.604
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-
			-

b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	30.6.2023 VND	31.12.2022 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Bên liên quan khác	-	4.070.590.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023**33 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty có ký Hợp đồng thuê đất số 341/HĐ-TĐ đề ngày 7 tháng 12 năm 2018 với Ủy ban Nhân Dân tỉnh Quảng Ninh cho diện tích đất thuê là 62.377,6 m² với mức giá thuê đất sẽ được thông báo bởi Ủy ban Nhân Dân tỉnh Quảng Ninh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty chưa nhận được thông báo tiền thuê đất từ Ủy ban Nhân Dân tỉnh Quảng Ninh. Do đó, Công ty chưa xác định được chính xác giá trị các khoản phải trả mức tối thiểu liên quan tới hợp đồng thuê đất này. Tuy nhiên, nếu tính theo giá tạm tính mà Công ty ghi nhận tiền thuê đất trích trước tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2023 (Thuyết minh 16), thì giá trị các khoản phải trả mức tối thiểu liên quan tới hợp đồng thuê đất này đến hết hạn thuê đất (ngày 13 tháng 8 năm 2043) vào khoảng 65.004.161.801 Đồng Việt Nam.

34 NGHĨA VỤ**Nghĩa vụ hoàn nguyên đối với đất thuê**

Công ty ký Hợp đồng thuê đất số 341/HĐ-TĐ đề ngày 7 tháng 12 năm 2018 với Ủy ban Nhân Dân tỉnh Quảng Ninh và đã xây dựng công trình và hạ tầng trên lô đất thuê có diện tích 62.377,6 m² tại Đường Hạ Long, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh. Hợp đồng này quy định việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc hợp đồng thuê đất được thực hiện theo quy định của pháp luật. Người đại diện theo pháp luật đánh giá Công ty có thể có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời các tài sản của Công ty trên khu đất thuê nêu trên và phục hồi khu đất về trạng thái ban đầu; và nghĩa vụ hoàn nguyên này chỉ có thể xác định được rõ ràng khi có thêm các sự kiện trong tương lai, ví dụ như các thỏa thuận bổ sung với bên cho thuê đất hoặc khi cơ quan chức năng ban hành bổ sung các văn bản pháp luật làm rõ nghĩa vụ của bên đi thuê khi hợp đồng thuê đất không có điều khoản hoàn nguyên. Do đó, nghĩa vụ hoàn nguyên đối với đất thuê chưa được xác định tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam đã được Phó Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 17 tháng 8 năm 2023.



Nguyễn Thị Huệ
Người lập



Mai Thị Dung
Kế toán trưởng



Nguyễn Thắng Hiền
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền